TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2023/HSST
Ngày 22-9-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Duôi và ông Thào A Páo.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện TC tham gia phiên toà***: Ông Hoàng M Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 222/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Sùng A M, tên gọi khác: Không; sinh năm 2000 tại huyện TC, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản Cửa Rừng, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Nhìa C, sinh năm 1975 và bà Lầu Thị Chía, sinh năm 1978; bị cáo có vợ là Vừ Thị Bích, sinh năm 2001 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2023 đến nay. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng- Phòng hộ TC, Chi cục Kiểm lâm. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Việt, chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lường Văn Chỉnh, chức vụ: Phó Giám đốc. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Sùng Nhìa C, sinh năm 1975, nơi cư trú: bản Cửa Rừng, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 13/5/2023, Ban quản lý rừng đặc dụng- Phòng hộ TC và Công an xã C, huyện TC làm nhiệm vụ tuần tra bảo vệ rừng tại Km

26, gần đường tỉnh lộ 108 thuộc khu vực rừng đặc dụng xã C, huyện TC, phát hiện Vàng A Dơ, sinh năm 1993 và Sùng Thị Xuân, sinh năm 1988, cùng trú tại bản Cửa Rừng, xã C, huyện TC có hành vi vận chuyển lâm sản trái phép. Vật chứng thu giữ gồm: 69 (sáu mươi chín) tấm gỗ sẻ kích thước 3,5m x 0,25m x 0,02m, chưa xác định được chủng loại gỗ.

Nguồn gốc số gỗ thu giữ của Vàng A Dơ, Sùng Thị Xuân khai vận chuyển giúp Sùng A M (là em trai ruột của Sùng Thị Xuân), sinh năm 2000, trú tại: bản Cửa Rừng, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Sau khi tiếp nhận vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm hiện trường như sau:

Hiện trường xảy ra vụ việc là tại Lô c, Khoảnh 4, Tiểu khu 272 rừng đặc dụng thuộc bản Cửa Rừng, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La: Hướng Tây, Nam, Bắc là khu vực rừng đặc dụng; Hướng Đông cách 200m là đường tỉnh lộ 108 TC đi xã C.

Hiện trường cụ thể: Hiện trường vụ việc được xác định và đánh số thứ tự:

Vị trí số 01 là gốc cây bị chặt hạ để lại hiện trường ký hiệu (1), đường kính mặt gốc cây 0,60m, mặt vết cắt gọn, chiều hướng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, mặt vết cắt cao so với mặt đất là 73cm, mầm rễ cây vẫn nguyên vẹn dưới mặt đất. Từ (1) hướng về phía Nam phát hiện có nhiều khúc gỗ tròn, mảnh bìa cây, phần ngọn cây.

Mở rộng hiện trường từ hướng Nam 40m phát hiện có 01 gốc cây (vết cắt đã cũ) mặt vết cắt gọn, chiều từ trên xuống, từ ngoài vào trong, đường kính gốc cây là 0,60m, mặt vết cắt cao so với mặt đất là 1,25m, gốc cây thứ hai được ký hiệu, xung quanh gốc cây bị chặt phá để lại nhiều cành cây và lá cây đã héo khô. Cách gốc cây thứ 2 về hướng Đông 5m để lại nhiều tấm gỗ đã cắt xẻ, vị trí phần thân cây để lại tại hiện trường ký hiệu đường kính phần thân cây chỗ lớn nhất là 0,50m, đường kính chỗ nhỏ nhất là 0,36m, thân cây có chiều dài 12m. Từ vết cắt có đường kính lớn nhất là 0,50m, đường kính chỗ nhỏ nhất là 0,36m, thân cây có chiều dài 12m. Từ vết cắt có đường kính lớn nhất của thân cây ký hiệu (37) về hướng ngọn cây 3,5m phát hiện 01 vết cắt ngang (chưa tách rời khỏi thân cây ký hiệu 37) có chu vi 1,40m nên đường kính là 0,445m.

Đối với ngọn cây và cành cây khác có kích thước nhỏ, một phần đã bị hư hỏng từ trước và đánh giá là phần không có giá trị nên các thành phần tham gia khám nghiệm cùng thống nhất không tiến hành thu giữ.

Trên mặt đất tại hiện trường các vị trí đã mô tả để lại nhiều mùn cưa. Xung quanh hiện trường có nhiều cây cối phát triển xanh tươi, cây cao từ 15m đến 20m.

Vật chứng thu giữ: Sáu mươi chín (69) tấm gỗ tạm giữ ban đầu, kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0,25m; Ba mươi hai (32) mảnh bìa gỗ có hình thù phức tạp tạm giữ tại hiện trường (là vật chứng của vụ án, không tính khối lượng gỗ);

Một máy cưa xích nhãn hiệu MITSUYAMA TL – 6365, màu cam đã tháo phần lưỡi cưa và xích cưa, đã qua sử dụng cũ; Một thước cuộn, màu đỏ đen, đã qua sử dụng cũ.

Tại kết luận giám định tư pháp số: 01-2023/ KL/ GĐCN ngày 14/6/2023 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La kết luận:

1. Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp bản đồ thể hiện vị trí của 02 cây bị khai thác lên nền bản đồ giao đất giao rừng xã C có kết quả:

Vị trí của cây số 01: Nằm trong lô c, khoảnh 4, tiểu khu 272.

Vị trí của cây số 02: Nằm trong lô c, khoảnh 4, tiểu khu 272.

Loại rừng *(*Chức năng của rừng): Vị trí của 02 cây bị khai thác nằm trong khu rừng đặc dụng.

Nguồn gốc rừng: Vị trí của 02 cây bị khai thác nằm trong khu rừng có nguồn gốc là rừng tự nhiên.

Chủ rừng: Ban quản lý rừng đặc dụng Copia (nay là Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ TC).

2. Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp bản đồ thể hiện vị trí của 02 cây bị khai thác lên nền bản đồ rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 có kết quả: Vị trí của cây số 01: Nằm trong lô 16, khoảnh 4, tiểu khu 272. Vị trí của cây số 02: Nằm trong lô 24, khoảnh 4, tiểu khu 272.

Loại rừng (Chức năng của rừng): Vị trí của 02 cây bị khai thác nằm trong khu rừng đặc dụng.

Nguồn gốc rừng: Vị trí của 02 cây bị khai thác nằm trong khu rừng có nguồn gốc là rừng tự nhiên.

Chủ rừng: Ban quản lý rừng đặc dụng Copia (nay là Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ TC).

3. Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp bản đồ thể hiện vị trí của 02 cây bị khai thác lên nền bản đồ giao đất, giao rừng cho Ban quản lý rừng đặc dụng-phòng hộ TC để quản lý, bảo vệ theo Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh Sơn La có kết quả: Vị trí của cây số 01: Nằm trong lô 18, khoảnh 4, tiểu khu 272. Vị trí của cây số 02: Nằm trong lô 31, khoảnh 4, tiểu khu 272.

Loại rừng (Chức năng của rừng): Vị trí của 02 cây bị khai thác nằm trong khu rừng đặc dụng.

Nguồn gốc rừng: Vị trí của 02 cây bị khai thác nằm trong khu rừng có nguồn gốc là rừng tự nhiên.

Chủ rừng: Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ TC

Tại kết luận giám định số: 354/CNR- VP ngày 23/6/2023 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận: Mẫu gửi giám định, ký hiệu M1 là loài gỗ Chắp, tên khoa học là Beilschmiedia sp, thuộc nhóm gỗ VI, không có tên trong danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm; Mẫu gửi giám định, ký hiệu M2 là loài gỗ Gai nang, thuộc nhóm gỗ VII, tên khoa học là Sloanea sp, không có tên trong danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.

Tại kết luận định giá tài sản số: 36/ KL- HĐĐG ngày 28/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện TC, kết luận:

Giá trị của 2,5918 m^3 gỗ Chắp tên khoa học là Beilschmiedia sp, thuộc nhóm VI là: 6.479.500đ (*Sáu triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Giá trị của 1,033m^3 gỗ Gai nang tên khoa học là Sloanea sp, thuộc nhóm VII là : 2.582.500đ *(Hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Sùng A M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 12/5/2023 Sùng A M, sinh năm 2000, trú tại: Bản Cửa Rừng, xã C, huyện TC một mình từ nhà ở bản Cửa Rừng, xã C cầm theo 01 chiếc máy cưa xích nhãn hiệu MITSUYAMA TL-6365, màu cam và một thước cuộn đi vào khu vực khoảnh 4, tiểu khu 272 rừng đặc dụng do Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ TC quản lý để tìm cây gỗ nhằm mục đích khai thác, xẻ gỗ sửa nhà. Đến km 26 thuộc đường tỉnh lộ 108, M đi vào bên trong rừng thuộc lô c, khoảnh 4 tiểu khu 272 rừng đặc dụng tự nhiên khoảng 300m thì phát hiện có 01 cây gỗ Gai nang đã bị cưa đổ từ trước, M thấy cây gỗ phù hợp kích thước để xẻ ván nên đã dùng cưa máy để cắt thân cây thành khúc dài 3,5m và xẻ được 15 tấm ván đều có kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0,25m. Sau đó M dùng thước đo chiều dài 3,5m và dùng cưa cắt khúc tiếp theo để xẻ ván tiếp. Sau khi cưa đứt khúc gỗ xong, khúc gỗ gẫy và kẹp lại nên M một mình không bẩy được vết cắt ra để xẻ thành ván tiếp, M đã để lại với ý định sau này sẽ xẻ tiếp và đi tìm cây khác để khai thác. M tiếp tục đi vào trong rừng cách vị trí cây Gai nang khoảng 50m thì phát hiện có 01 cây gỗ Chắp cao khoảng 20m, đường kính gốc khoảng 60cm phù hợp làm ván sửa nhà nên M đã dùng cưa máy cưa đổ cây gỗ này sau đó dùng thước đo và đánh dấu chiều dài để xẻ ván. M đo được 4 khúc, mỗi khúc dài 3,5m sau đó dùng cưa máy xẻ thân cây làm ván theo kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0,25m. M một mình xẻ gỗ đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì nghỉ và để gỗ đã xẻ cùng cưa máy ở lại trong rừng rồi đi về nhà. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/5/2023 M tiếp tục một mình đi bộ đến nơi khai thác gỗ để tiếp tục xẻ gỗ. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày thì M đã xẻ được 54 tấm gỗ cây gỗ Chắp có kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0,25m, còn lại bìa gỗ, ngọn cây, thân cành thừa thì M bỏ lại hiện trường. Sau đó M một mình vác gỗ đã xẻ được đem ra bìa rừng gần đường Tỉnh lộ 108 để vận chuyển về nhà nhưng một mình M không vận chuyển hết được số gỗ này nên vào

khoảng 12 giờ cùng ngày M đã gọi điện thoại cho anh rể là Vàng A Rơ, sinh năm 1993 và chị gái ruột của M là Sùng Thị Xuân, sinh năm 1998, cùng trú tại: Bản Cửa Rừng, xã C, huyện TC đến để giúp vận chuyển gỗ mà M đã khai thác đến vị trí bìa rừng gần đường tỉnh lộ 108 để chuyển về nhà, Rơ và Xuân đồng ý. Khi Rơ và Xuân đang xếp gỗ để vận chuyển giúp M thì Vàng A Rơ và Sùng Thị Xuân bị Tổ công tác Công an xã C, huyện TC đến kiểm tra, phát hiện, M thấy vậy đã bỏ trốn về nhà. Tổ Công tác đã lập biên bản thu giữ. Đến ngày 14/5/2023 Công an xã C, huyện TC đã triệu tập Sùng A M đến làm việc, tại Cơ quan Công an Sùng A M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 178/CT- VKSTC ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC đã truy tố bị cáo Sùng A M về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo Sùng A M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện TC đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân huyện TC giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Sùng A M phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Sùng A M từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc bị cáo Sùng A M tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền là 1.000.0000 đồng.

Buộc bị cáo Sùng A M phải bồi thường tiếp số tiền 8.062.000 đồng cho Ban quản lý rừng đặc dụng- Phòng hộ TC, Chi cục Kiểm lâm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Một thước cuộn, màu đỏ đen, đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước:

Sáu mươi chín (69) tấm gỗ tạm giữ ban đầu, kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0,25m;

Ba mươi hai (32) mảnh bìa gỗ có hình thù phức tạp tạm giữ tại hiện trường (là vật chứng của vụ án, không tính khối lượng gỗ).

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Sùng Nhìa C: Một chiếc máy cưa xích nhãn hiệu MITSUYAMA TL-6365, màu cam đã tháo phần lưỡi cưa và xích cưa , đã qua sử dụng cũ.

Miễn án án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng A M.

Tại phiên tòa, bị cáo Sùng A M thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ TC: Yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.062.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Sùng Nhìa C có ý kiến: Đề nghị trả lại cho ông một chiếc máy cưa xích nhãn hiệu MITSUYAMA TL-6365, màu cam đã tháo phần lưỡi cưa và xích cưa , đã qua sử dụng cũ và ông Chá không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Ngày 12/5/2023 và ngày 13/5/2023, Sùng A M đã có hành vi khai thác trái phép 3,6248 m3 gỗ, gỗ loại thực vật thông thường trong đó (2,5918 m^3 gỗ Chắp thuộc nhóm VII, và 1,033m^3 gỗ Gai thuộc nhóm VI) tại Khoảnh 4- Tiểu khu 272 rừng đặc dụng phòng hộ huyện TC thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng đặc dụng phòng hộ huyện TC quản lý, nhằm mục đích mang gỗ về để sửa ngôi nhà để ở.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với kết quả điều tra, phù hợp với: Lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; lời khai của người chứng kiến.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận hành vi khai thác trái phép 3,6248 m3 gỗ, gỗ loại thực vật thông thường: Trong đó (2,5918 m^3 gỗ Chắp thuộc nhóm VII, và 1,033m^3 gỗ Gai thuộc nhóm VI) tại Khoảnh 4- Tiểu khu 272 rừng đặc dụng phòng hộ huyện TC thuộc rừng đặc dụng là rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng đặc dụng phòng hộ huyện TC quản lý, nhằm mục đích mang gỗ về để sửa ngôi nhà để ở của bị cáo Sùng A M đã phạm vào tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, gây mất trật tự, an ninh xã hội tại địa phương, gây mất cân bằng sinh thái tự nhiên, là nguyên nhân xảy ra các hiện tượng khí hậu cực đoan như bão, lũ lụt, hạn hán. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, nhận thức đơn giản là lấy gỗ về để sửa lại căn nhà cũ nát, bị cáo có đơn xin bảo lãnh của gia đình và chính quyền địa phương, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Xét thấy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có bảo lãnh của chính quyền địa phương, có khả năng tự cải tạo.

Do đó, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, căn cứ khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo Sùng A M không có tài sản, không có đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng- Phòng hộ TC, yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.062.000 đồng.

Xét thấy: Người gây thiệt hại phải bồi thường, yêu cầu của nguyên đơn dân sự là có căn cứ cần chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.062.000 đồng.

Chấp nhận bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0003041 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại nộp ngân sách nhà nước tiếp số tiền 8.062.000 đồng.

Căn cứ cần chấp nhận, căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với hành vi của Vàng A Rơ và Sùng Thị Xuân là những người được Sùng A M nhờ vận chuyển số gỗ mà M khai thác trái phép để mang về nhà. Quá trình điều tra xác định được Vàng A Rơ và Sùng Thị Xuân không được tham gia, không được biết và không được thống nhất ý chí về việc khai thác gỗ trái phép với Sùng A M, việc khai thác gỗ trái phép do Sùng A M một mình thực hiện. Do vậy việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TC không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Vàng A Rơ và Sùng Thị Xuân là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Đối với Vàng A Rơ và Sùng Thị Xuân là người đã vác hộ cho Sùng A M 15 tấm gỗ Gai nang kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0, 25m = 0,2625m quy đổi ra gỗ tròn = 0,42m vào ngày 13/5/2023. Hành vi của Vàng A Rơ và Sùng Thị Xuân đã vi phạm quy định tại Điểm a - Khoản 13 - Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp). Ngày 24/8/2023, Công an huyện TC đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vàng A Rơ và Sùng Thị Xuân theo quy định với mức phạt tiền là 1000.000 đồng.

[8] Vật chứng vụ án:

Đối với sáu mươi chín (69) tấm gỗ tạm giữ ban đầu, kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0,25m; ba mươi hai (32) mảnh bìa gỗ có hình thù phức tạp tạm giữ tại hiện trường (là vật chứng của vụ án, không tính khối lượng gỗ) là tài sản

do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với một chiếc máy cưa xích nhãn hiệu MITSUYAMA TL-6365, màu cam đã tháo phần lưỡi cưa và xích cưa, đã qua sử dụng cũ, là công cụ bị cáo dùng để khai thác gỗ. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Sùng Nhìa C, ông Chá không biết bị cáo dùng chiếc máy cưa để khai thác gỗ trái phép, do đó cần trả lại chiếc máy cưa trên cho ông Sùng Nhìa C căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với một thước cuộn, màu đỏ đen, đã qua sử dụng cũ là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, vật không có giá trị, không sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với phần gỗ còn lại của thân cây Gai nang ký hiệu số 37 (Trong quá trình khám nghiệm hiện trường) có kích thước dài 8,5m, đường kính chỗ lớn nhất là 44,5cm, đường kính chỗ nhỏ nhất là 36cm mà Sùng A M không thừa nhận khai thác. Quá trình điều tra đến nay chưa xác định được người thực hiện hành vi khai thác (chặt hạ). Ngày 25/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã bàn giao đến Hạt kiểm lâm huyện TC để tiếp tục điều tra, xác M đối với số lâm sản trên, khi nào xác định được người khai thác trái phép thì sẽ có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Sùng A M, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo có ý kiến xin miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng A M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Sùng A M phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Xử phạt bị cáo Sùng A M 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2023).

Giao bị cáo Sùng A M cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Sùng A M có

trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Sùng A M phải bồi thường thiệt hại, nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.062.000 đồng (chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Chấp nhận bị cáo Sùng A M đã tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0003041 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

Buộc bị cáo Sùng A M phải bồi thường thiệt hại nộp ngân sách nhà nước tiếp số tiền 8.062.000 đồng (tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

3. Vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Sáu mươi chín (69) tấm gỗ tạm giữ ban đầu, kích thước dài 3,5m, dày 0,02m, rộng 0,25m; một đoạn gỗ ký hiệu: 2A dài 0,75m, rộng 0,27m, chiều dày 0,21m; một đoạn gỗ ký hiệu: 2B dài 0,66m, rộng 0,27m, chiều dày 0,25m; một đoạn gỗ ký hiệu: 2C dài 0,52m, rộng 0,24m, chiều dày 0,24m; Một đoạn gỗ ký hiệu: 2D dài 0,75m, rộng 0,24m, chiều dày 0,26m; một đoạn gỗ ký hiệu: 2E dài 0,6m, rộng 0,34m, chiều dày 0,19m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28A dài 1,6m, rộng 0,27m, chiều dày 0,08m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28B dài 2,4m, rộng 0,24m, chiều dày 0,04m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28C dài 2,43m, rộng 0,37m, chiều dày 0,06m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28D dài 2,34m, rộng 0,42m, chiều dày 0,05m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28Đ dài 2,3m, rộng 0,4m, chiều dày 0,05m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28E dài 2,35m, rộng 0,2m, chiều dày 0,01m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28F dài 1,7m, rộng 0,2m, chiều dày 0,08m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28G dài 3,25m, rộng 0,26m, chiều dày 0,03m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28H dài 3,25m, rộng 0,33m, chiều dày 0,07m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28I dài 1m, rộng 0,23m, chiều dày 0,08m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28K dài 3,25m, rộng 0,33m, chiều dày 0,04m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28M dài 3,25m, rộng 0,26m, chiều dày 0,04m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28N dài 3,25m, rộng 0,32m, chiều dày 0,05m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28O dài 0,8m, rộng 0,22m, chiều dày 0,07m; một đoạn gỗ ký

hiệu: 28P dài 0,8m, rộng 0,25m, chiều dày 0,09m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28Q dài 0,76m, rộng 0,25m, chiều dày 0,01m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28T dài 3,25m, rộng 0,36m, chiều dày 0,05m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28V dài 1,3m, rộng 0,2m, chiều dày 0,11m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28W dài 1,7m, rộng 0,3m, chiều dày 0,11m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28X dài 0,75m, rộng 0,22m, chiều dày 0,13m; một đoạn gỗ ký hiệu: 28Z dài 1,8m, rộng 0,3m, chiều dày 0,08m; một đoạn gỗ ký hiệu: 37A dài 3,53m, rộng 0,3m, chiều dày 0,05m; một đoạn gỗ ký hiệu: 37B dài 3,52m, rộng 0,24m, chiều dày 0,12m; một đoạn gỗ ký hiệu: 37C dài 3,56m, rộng 0,23m, chiều dày 0,13m; một đoạn gỗ ký hiệu: 37D dài 3,5m, rộng 0,22m, chiều dày 0,12m; một đoạn gỗ ký hiệu: 37E dài 3,55m, rộng 0,24m, chiều dày 0,15m; một đoạn gỗ ký hiệu: 37F dài 3,53m, rộng 0,28m, chiều dày 0,07m; ba mươi hai (32) mảnh bìa gỗ có hình thù phức tạp tạm giữ tại hiện trường (là vật chứng của vụ án, không tính khối lượng gỗ).

Trả lại ông Sùng Nhìa C: Một chiếc máy cưa xích nhãn hiệu MITSUYAMA TL-6365, màu cam đã tháo phần lưỡi cưa và xích cưa, đã qua sử dụng cũ.

Tịch thu tiêu hủy: Một thước cuộn, màu đỏ đen, đã qua sử dụng cũ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TC và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Sùng A M.

5. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo Sùng A M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2023).

Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Sùng Nhìa C, có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2023)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng